TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26 – 6 – 2024
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Liệt;

2. Ông Trần Quang Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Trong các ngày 03, 26 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2024 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Trúc H, sinh năm 2002.

Địa chỉ: Khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Nguyễn Thị Trúc H vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt; anh Nguyễn Thanh S vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc H vắng mặt tại phiên tòa, có văn bản trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Trúc H và anh Nguyễn Thanh S tự tìm hiểu khoảng 01 tháng, rồi tự nguyện chung sống với nhau mà không có tổ chức đám cưới vào giữa năm 2021, có đăng ký kết hôn vào ngày 08/3/2022 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi sống chung với nhau thì chị H

và anh Sơn s cùng với cha mẹ anh S tại ấp T, xã T, huyện T. Thời gian đầu sống chung có hạnh phúc nhưng sau đó anh S thường hay la mắng, đánh chị H và có chơi cờ bạc, anh S không chịu đi làm mà xin tiền mẹ anh S để sống, cũng không cho chị H đi làm; chị H có khuyên bảo nhưng anh S không thay đổi. Sau khi sống chung với nhà cha mẹ anh S được khoảng 01 năm thì chị H và anh S về nhà bà ngoại của chị H tại xã P, thành phố C, tỉnh An Giang sinh sống. Tại nhà bà ngoại của chị H thì chị H đi bán vé số, anh S cũng có đi bán phụ nhưng trong cuộc sống gia đình thì anh S vẫn chửi chị H, không tôn trọng gia đình chị H. Đến tháng 12/2023 do anh S nói chuyện hỗn với mẹ chị H và bà ngoại của chị H, thì chị H và anh S cãi nhau, bà ngoại của chị H đuổi anh S đi, nên anh S bỏ về nhà cha mẹ anh S tại ấp T, xã T, huyện T. Từ khi anh S bỏ đi vào tháng 12/2023 thì chị H không có tìm anh S, anh S có đi tìm chị H nhưng không gặp mặt, khi gọi điện thoại thì chửi mắng, đe dọa chị H. Nay chị H thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh S đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nên chị H yêu cầu ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Trúc H và anh Nguyễn Thanh S không có con chung, nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Nguyễn Thanh S trình bày*: Anh S vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hòa hòa giải 02 lần, thông báo về việc yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng anh S vắng mặt không có lý do, không cung cấp văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H, cũng không tham dự phiên họp – hòa giải 02 lần và phiên tòa 02 lần nên Tòa án không thu thập được lời khai, ý kiến của anh S đối với yêu cầu khởi kiện của chị H.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Giấy CCCD của chị Nguyễn Thị Trúc H (Bản sao);

- Trích lục kết hôn (Bản sao);

- Bản tự khai ngày 15/3/2024 của chị Nguyễn Thị Trúc H (Bản chính);

- Đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 03/5/2024 của chị Nguyễn Thị Trúc H (Bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Trúc H và các tài liệu,

chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là *"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn anh Nguyễn Thanh S cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Thanh S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có cung cấp ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn; đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do; do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh S theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Trúc H yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh S.

Xét thấy, chị H và anh Sơn s chung với nhau vào năm 2021, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 08/3/2022, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống, chị H và anh S phát sinh mâu thuẫn mà không tự giải quyết với nhau được. Chị H xác định do anh S thường hay chửi mắng chị H, không tôn trọng gia đình chị H mà chị H và anh S đã sống ly thân từ tháng 12/2023 đến nay mà không có hàn gắn tình cảm với nhau.

Khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*".

Hiện nay, chị H xác định không muốn hàn gắn, đoàn tụ với anh S, không còn tình cảm với anh S. Anh S đã được Tòa án thông báo về phiên họp – hòa giải 02 lần để tạo điều kiện cho anh chị hòa giải đoàn tụ, nhưng anh S không đến, cho thấy anh S không muốn hàn gắn, đoàn tụ với chị H. Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị H và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích*

của hôn nhân không đạt được".

Do đó, chị Nguyễn Thị Trúc H yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh S là phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị H xác định trong thời gian chung sống thì chị H và anh S không có con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết về con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh S không có trình bày ý kiến, yêu cầu về tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Trúc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; anh Nguyễn Thanh S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Trúc H.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Trúc H được ly hôn với anh Nguyễn Thanh S.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Trúc H và anh Nguyễn Thanh S không có con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Trúc H và anh Nguyễn Thanh S không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Trúc H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0006428 ngày 15/3/2024 của Chi cục Thi hành án

dân sự huyện Thanh Bình. Như vậy, chị H đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Thanh S không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9, 9a Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Tân Long (Đăng ký kết hôn số 23, ngày 08/3/2022);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Thùy Trang